

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung  
và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Lên;
- Ông Nguyễn Văn Thuận.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án.*

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con”; theo Quyết định vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huỳnh G, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.*

*- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh G trình bày:*

Bà Trần Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Tuấn V đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An vào năm 2012. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên phát sinh cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm ai, tự làm tự sống nên bà G yêu cầu ly hôn với ông V để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Bà Trần Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Tuấn V có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn B, sinh ngày 10/8/2012, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được nuôi con; yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với ông V.

*Bị đơn Nguyễn Tuấn V đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đương sự không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố trong vụ án.*

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên toà, bà G giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V, yêu cầu được nuôi con; yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật từ tháng 9 năm 2024 đến khi con chung thành niên.

Ông V vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Trần Thị Huỳnh G khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Tuấn V vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà G yêu cầu ly hôn với ông V, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông V không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Trần Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Tuấn V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M vào ngày 01/10/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G với ông V do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp và tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 và không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà G

với ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông V với bà G có 01 con chung Nguyễn Tuấn B, sinh ngày 10/8/2012, giới tính: Nam; hiện nay do bà G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi bà G và ông V sống ly thân nhau thì cháu B do bà G trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định đời sống, tinh thần, việc học hành và theo nguyện vọng của cháu B muốn sống với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu B cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ K trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng ½ tháng lương tối thiểu vùng tại thị xã K (Vùng II: mức lương 4.410.000 đồng/tháng) đến khi con chung thành niên là phù hợp.

[7] Về tài sản chung: Bà G và ông V đều không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung với ông V nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà G phải chịu án phí ly hôn; ông V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 4, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

*Tuyên xử;*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Huỳnh G đối với ông Nguyễn Tuấn V.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Huỳnh G được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V.

- *Về con chung*: Bà Trần Thị Huỳnh G với ông Nguyễn Tuấn V có 01 con chung Nguyễn Tuấn B, sinh ngày 10/8/2012, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, bà G có quyền tiếp tục nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Tuấn V phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tuấn B là 2.205.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến khi cháu Bảo thành N và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Đương sự xác định không có nợ chung với nhau nên không Tòa án không giải quyết.

## 2. Về án phí:

Bà Trần Thị Huỳnh G phải chịu 300.000 đồng; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo Biênsố 0003290 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thị xã K sang thi hành án phí.

Buộc ông Nguyễn Tuấn V phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thuận**

**Nguyễn Văn Lên**

**Nguyễn Văn Phương**